TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 05/02/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Đăng Lý
2. Bà Nguyễn Thị Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Công- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; có mặt.

Trú tại: Thôn VL 2, xã PX, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: + Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950; có mặt.

+ Ông Phùng Duy S, sinh năm 1950; vắng mặt.

Trú tại: Thôn TH, xã BP, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

Ông Phùng Duy S uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Q, sinh năm1950; theo văn bản uỷ quyền ngày 05/01/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Chu Văn H, sinh năm 1964 (có mặt)

Trú tại: Thôn VL 2, xã PX, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1982.

Chị T uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950; theo văn bản uỷ quyền ngày 06/01/2021. (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn TH, xã BP, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Phùng Duy H, sinh năm 1978

+ Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1982.

Chị T uỷ quyền tham gia tố tụng cho anh Phùng Duy H, sinh năm 1978, theo văn bản uỷ quyền ngày 05/01/2021. (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn TH, xã BP, huyện TT, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2020 cùng các tài liệu được cung cấp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q vay tiền bà Nguyễn Thị L làm nhiều lần. Tổng cộng số nợ bà Nguyễn Thị Q chốt và viết giấy nợ cho bà số tiền là 3.100.000.000 đồng vào ngày 05/10/2011 dương lịch. Ngày 19/10/2011 dương lịch bà Q trả bà L 300.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó bà Q trả thêm không ghi ngày trả lần 1 số tiền 170.000.000đồng; lần 2 số tiền 30.000.000đồng tiền gốc. Bà L đã mua một xe lead màu đỏ trị giá 35.000.000đồng và bà Q trả bà hai lần là 8.000.000 đồng (bà L đều tính vào lãi). Bà cho bà Q vay với lãi suất thỏa thuận hai bên là 3,3%/tháng. Bà vay tiền của Ngân hàng XD với lãi suất 2,2%/tháng. Vay Ngân hàng về bà cho bà Q vay lại. Đến ngày 30/12/2011 (âm lịch) tức ngày 22/01/2012 (dương lịch) ông S chồng bà Q viết cho bà L giấy biên nhận còn nợ tôi số tiền là 2.600.000.000 đồng.

Đến ngày 24/02/2012 bà L có mua một ti vi Samsung 29Z57 số tiền 3.400.000 đồng, ngày 14/3/2012 mua 01 máy lọc nước Kangaru số tiền là 3.500.000đồng, ngày 24/02/2012 mua 01 tủ lạnh SANIO số tiền là 4.990.000 đồng đều mua của chị T con dâu bà Q. Bà L mua những thứ trên bà tính vào tiền lãi. Bà Q nói bà Q trả bà được 700.000.000đồng tiền gốc là không đúng. Những lần trả tiền gốc bà đều ghi sổ. Bà Q không có chứng cứ nào chứng minh bà Q trả bà số tiền gốc là 700.000.000 đồng. Bà khẳng định bà Q chỉ trả bà số tiền gốc là 500.000.000đồng, thì ông S mới viết giấy vay cho bà số tiền còn nợ bà là 2.600.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà Q và ông S chồng bà Q không trả bà L tiền gốc và lãi. Mặc dù bà đến đòi rất nhiều lần nhưng bà Q và ông S không trả. Bà yêu cầu bà Q và ông S phải thanh toán cho bà tiền gốc là 2.600.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng.

Tại các biên bản lấy lời khai và hòa giải của bị đơn là bà Nguyễn Thị Q và ông Phùng Duy S trình bày:

Vì cần vốn làm ăn bà có vay của bà Nguyễn Thị L làm nhiều lần với tổng cộng 3.100.000.000 đồng vào ngày 05/10/2011 dương lịch (trong số tiền trên có 300.000.000đồng chị Đỗ Thị T con dâu bà cầm, 500.000.000 đồng anh H con trai bà cầm). Bà đã trả bà L gốc làm nhiều lần: lần thứ nhất số tiền 300.000.000 đồng, lần 2 số tiền 200.000.000đồng, lần 3 số tiền 200.000.000đồng. Những lần trả bà không ghi sổ sách gì mà chỉ đưa tiền cho bà L. Bà L bà mới trả 500.000.000 đồng tính vào gốc là

không đúng. Bà Q nhớ đã trả 200.000.000 đồng tiền anh TA trả nợ bà, sau đó bà đưa luôn cho bà L. Những lần trả tiền bà L bà không có giấy tờ gì. Ngoài ra bà đã trả bà L hiện vật gồm 01 xe máy leal, 01 tủ lạch, 01 máy lọc nước và 8.000.000 đồng tiền mặt vào năm 2011. Trả bà L những vật dụng trên bà xin trả vào gốc. Còn giấy viết do ông S chồng bà viết nợ bà L 2.600.000.000đồng, khi đó chưa trừ các khoản vì bà nghĩ bà với bà L sẽ tính toán lại sau. Bà L yêu cầu gia đình bà trả tiền gốc là 2.600.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng bà Q, ông S không đồng ý vì hoàn cảnh bà rất khó khăn. Ông, bà chưa thể có đủ tiền để trả bà Nguyễn Thị L và ông Chu Văn H được. Ông, bà xin trả dần gốc và tiền lãi thì xin bà L, ông H.

Ông Phùng Duy S uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Q.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Anh Phùng Duy H trình bày*: Gia đình anh có vay tiền của bà L nhiều lần, cụ thể thì anh không nhớ. Toàn bộ số tiền vay bà L nhà anh không ghi nợ. Anh nhất trí trả cho bà L, không cãi nợ. Anh đề nghị bà L mang sổ sách lên đối chiếu, những khoản bà L mua hàng hoá nhà anh anh sẽ kiểm tra lại. Anh xin trả dần vì hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn.

- *Ông Chu Văn H trình bày*: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị L. Vợ chồng ông bà có quen bà Q. Vì tin tưởng nên vợ chồng ông bà có cho bà Q vay tiền, đầu tiên thì ít, sau đó thì nhiều để kinh doanh. Con trai bà Q là Phùng Duy H xuống vay lần 1 là 500 triệu đồng; con dâu là Đỗ Thị T vay số tiền 300 triệu đồng. Tổng số tiền bà Q và các con vay chốt đến ngày 05/10/2011 dương lịch với số tiền là 3.100.000.000 đồng. Đến ngày 19/10/2011 dương lịch, bà Q trả ông H, bà L số tiền là 300 triệu đồng; lần 2 trả 170 triệu đồng và 30 triệu đồng. Còn lại 2.600.000.000đồng. Ông S, bà Q đã viết giấy nợ cho ông và bà L nợ số tiền 2.600.000.000 đồng. Sau đó ông S, bà Q hẹn tháng giêng năm 2012 sẽ thanh toán cho ông, bà số tiền trên nhưng cho đến nay nhiều lần ông H, bà L đến đòi nợ nhưng vợ chồng ông S, bà Q đều khất lần, khất lượt. Nay ông H đề nghị Toà án buộc ông S, bà Q trả ông H, bà L số tiền 2.600.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng ĐT từ ngày 05/10/2011 dương lịch là 2.2%/tháng cho đến nay.

- *Chị Nguyễn Thu T khai*: Năm 2011 chị có cửa hàng bán và kinh doanh điện tử, điện lạnh. Ngày 24/02/2012 bà L có mua một ti vi Samsung 29Z57 số tiền 3.400.000 đồng, ngày 14/3/2012 mua 01 máy lọc nước Kangaru số tiền là 3.500.000đồng, ngày 24/02/2012 mua 01 tủ lạnh SANIO số tiền là 4.990.000 đồng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị L ở VL, PX. Lâu ngày nên chứng từ cũng thất lạc không tìm thấy. Nhưng bà L đã nhận là có lấy hàng hoá trên của chị. Nay chị mong Toà án giúp đỡ gia đình chị và chị xin uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Q.

- *Chị Đỗ Thị T khai*: Năm 2011 chị có vay bà Nguyễn Thị L số tiền 300 triệu đồng, lãi suất 3.3%/tháng, tương đương 10 triệu đồng một tháng và đã thanh toán đủ tiền lãi của năm 2011, bà Q là mẹ chồng chị trả lãi cho bà L. Từ đó đến nay chị chưa thanh toán

được cho bà L số tiền còn nợ lại. Nay chị ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Phùng Duy H tham gia tố tụng tại Toà án để giải quyết vụ kiện này.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình xây dựng hồ sơ và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Q, ông Phùng Duy S hiện đang cư trú tại thôn TH, xã BP, huyện TT nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Về số tiền gốc: Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên bà Nguyễn Thị Q, ông Phùng Duy S đã vay tiền nhiều lần của bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn H. Các bên đều thừa nhận có việc vay số tiền nêu trên, đồng thời theo văn bản về việc ông S, bà Q vay tiền của bà L, ông H đề ngày 05/10/2011 đã xác định nội dung vay này. Nên có căn cứ xác định tổng số tiền gốc ông H, bà L cho ông S, bà Q vay là 3.100.000.000đồng.

Trong số tiền 3.100.000.000đồng có khoản vay ngày 15/6/2011 (dương lịch) anh Phùng Duy H vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng. Chiều ngày 25/7/2011 chị T vợ anh H mượn chị L số tiền 300.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng anh H vay của bà L số tiền 800.000.000 đồng. Khoản tiền anh H, chị T vay của bà L đều phục vụ cho gia đình nên bà Q đã gộp chung khoản vay của anh H, chị T số tiền 3.100.000.000 đồng. Quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa anh H nhận trách nhiệm trả khoản tiền của vợ chồng anh vay số tiền 800.000.000 đồng là có cơ sở.

Về số tiền đã trả: Tại văn bản ngày 05/10/2011 có ghi: "Sáng 19/10/2011 DL: Chị Q S trả em L số tiền là 300.000.000đ Chưa trả lãi. Trả lãi tối ngày 26/10 không ghi năm số tiền trả lãi là 8.400.000đ". Ngoài ra không còn văn bản nào ghi số tiền gốc, lãi ông S, bà Q trả. Phía nguyên đơn khai ông S, bà Q khai đã trả số tiền gốc lần 1 là 300 triệu đồng; lần 2 là 30 triệu đồng; lần 3 là 170 triệu đồng, tổng cộng 500 triệu đồng và xuất trình văn bản là "Giấy biên nhận" ghi ngày 30.12 âm lịch, tức ngày 22.01 dương lịch, có chữ ký, chữ viết của ông Phùng Duy S với nội dung "Tên tôi Nguyễn Thị Q có vay của ông bà Chu Văn H bà Nguyễn Thị L số tiền 2.600.000.000đồng gốc và hai tháng lãi chưa

thanh toán….". Phía ông S, bà Q khẳng định đã trả cho bà L số tiền 700 triệu đồng tiền gốc nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình tại "Giấy biên nhận" ghi ngày 30.12 âm lịch, tức ngày 22.01 dương lịch. Do vậy, cần xác định tính đến ngày 22/01/2012 dương lịch bà Q, ông S còn nợ bà L, ông H số tiền 2.600.000.000đồng.

Xét các hoá đơn bán hàng do phía bà L cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Năm 2011, chị T là con dâu của bà Q có cửa hàng bán và kinh doanh điện tử, điện lạnh. Ngày 24/02/2012 bà L có mua một ti vi Samsung 29Z57 số tiền 3.400.000 đồng, ngày 14/3/2012 mua 01 máy lọc nước Kangaru số tiền là 3.500.000đồng, ngày 24/02/2012 mua 01 tủ lạnh SANIO số tiền là 4.990.000 đồng. Ngoài ra bà L còn lấy một chiếc xe máy loại xe Lead tại cửa hàng của bà Q trị giá 35.000.000 đồng. Ngoài ra bà L và bà Q còn xác nhận bà Q trả bà L số tiền hai lần trả: Lần 1 số tiền là 5.000.000 đồng; lần 2 số tiền 3.000.000 đồng, tổng là 8.000.000đồng. Tổng cộng các khoản trên bà Q đã trả bà L số tiền 54.890.000 đồng. Khoản tiền bà Q vay của bà L về để cho các con kinh doanh. 02 Hoá đơn bán hàng ngày 24/02/2012. Các hoá đơn và số tiền trả trên được ghi sau khi hai bên thoả thuận lập "Giấy biên nhận" ghi ngày 30.12 âm lịch, tức ngày 22.01 dương lịch. Phía nguyên đơn xác định việc mua các tài sản theo các hoá đơn trên được tính vào tiền lãi, phía bị đơn cho rằng trả vào tiền gốc, nhưng cả hai bên đều không có tài liệu gì chứng minh việc trả vào gốc hay lãi. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, khi vay hai bên cũng thỏa thuận lãi suất. Từ năm 2012 đến nay bà Q, ông S không thanh toán tiền lãi cho bà L, ông H. Do vậy số tiền 55.090.000 đồng được tính vào tiền lãi là có cơ sở.

Vì vậy, tính đến thời điểm xét xử bà Nguyễn Thị Q và ông Phùng Duy S còn nợ bà Nguyễn Thị L và ông Chu Văn H số tiền 1.800.000.000 đồng. Anh Phùng Duy H và chị Đỗ Thị T còn nợ của bà Nguyễn Thị L và ông Chu Văn H số tiền 800.000.000 đồng.

Về khoản tiền lãi: Tại phiên toà bà L, ông H đề nghị Toà án không giải quyết lãi mà chỉ yêu cầu bà Q, ông S, anh H, chị T thanh toán toàn bộ khoản gốc số tiền là 2.600.000.000 đồng. Do vậy cận buộc ông S, bà Q trả cho bà L, ông H số tiền gốc còn lại là 1.800.000.000đồng. Anh H, chị T trả cho ông S, bà Q số tiền gốc 800.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Q, ông Phùng Duy S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Xét bà Q và ông S là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Q và ông S theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Phùng Duy H, chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 478, 154, 155, 159, 160 Bộ luật Dân sự năm 2005 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Q, ông Phùng Duy S, anh Phùng Duy H, chị Đỗ Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị Q, ông Phùng Duy S trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn H số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng.

Buộc anh Phùng Duy H, chị Đỗ Thị T trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn H số tiền gốc là 800.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Q, ông Phùng Duy S là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Q và ông S theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Phùng Duy H, chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 36.000.000đồng. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị L số tiền theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:AA/2016/ 0011713 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội số tiền 42.000.000đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Thị Ngọc Yên